

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2024
Về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đăng.

Ông Đỗ Minh Lắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 403/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Đoàn Vũ L, sinh năm 1983 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Trần Thị Mộng T trình bày: Vào ngày 18/02/2022, giữa bà và ông Đoàn Vũ L thuận tình ly hôn đã được Toà án nhân dân huyện U Minh công nhận theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 28/2022/QĐST-HNGĐ. Tại quyết định công nhận ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà với ông L. Về con chung thì bà và ông L có 01 người con chung tên Đoàn Thị Ngọc A, sinh ngày 19/8/2017 thống nhất giao cho bà nuôi. Tuy nhiên, tại quyết định công nhận trên bà chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì giữa bà

và ông L thỏa thuận miệng là hàng tháng ông L sẽ phụ tiền nuôi con nhưng từ khi ly hôn đến nay ông L không đưa tiền để phụ nuôi con. Nay để đảm bảo quyền lợi cho con chung bà yêu cầu ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng từ ngày 17/4/2022 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

* *Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20 tháng 12 năm 2023, ông Đoàn Vũ L trình bày:* Căn cứ vào biên bản hoà giải ngày 08/02/2022, tại mục 2. Về con chung: Bà T trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Theo biên bản hoà giải thành ông không đồng ý theo yêu cầu của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị Mộng T khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Vũ L cấp dưỡng nuôi con chung, địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Đoàn Vũ L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với ông L.

[2] Về nội dung: Bà Trần Thị Mộng T xác định bà T và ông Đoàn Vũ L đã tự nguyện thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh. Tại quyết định nêu trên giữa bà T và ông L thỏa thuận giao con chung tên Đoàn Thị Ngọc A, sinh ngày 19/8/2017 cho bà T trực tiếp nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng bà T không yêu cầu. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho con chung nên bà T xác định yêu cầu ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi con tròn 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 20/12/2023, ông Đoàn Vũ L xác định theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện U Minh thì bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con giờ bà L yêu cầu ông L không đồng ý. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, việc bà T yêu cầu ông L cấp

dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định pháp luật. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Mộng T**. Buộc ông **Đoàn Vũ L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên **Đoàn Thị Ngọc A**, sinh ngày 19/8/2017 mỗi tháng là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/4/2024.

[3] Về án phí: Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng bà **Trần Thị Mộng T** không phải chịu. Ông **Đoàn Vũ L** phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm bà **Trần Thị Mộng T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Đoàn Vũ L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị Mộng T**. Buộc ông **Đoàn Vũ L** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên **Đoàn Thị Ngọc A**, sinh ngày 19/8/2017 mỗi tháng là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/4/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng bà **Trần Thị Mộng T** không phải chịu. Ông **Đoàn Vũ L** phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Bản án sơ thẩm bà **Trần Thị Mộng T** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông **Đoàn Vũ L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi